

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HC-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

V/v khiếu kiện quyết định xử phạt vi
phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Bằng**

2. Ông **Phạm Văn Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Có** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long là điểm cầu trung tâm và hai điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện L và trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HC ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc *khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HC ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1955

Địa chỉ: số a/b, ấp N, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Phạm Trung Đ**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: số xy, đường N, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 21/7/2021).

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền đều có mặt tại điểm cầu trung tâm.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: khóm 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Chí C**, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số 11857/UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện L): có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông **Hồ Minh D**, chức vụ: Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện L: có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lê Văn Út E**, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, là người đại diện theo pháp luật: có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Phần đất thửa 1357, diện tích 1.190m², loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T được cha là cụ Nguyễn Văn M tặng cho theo hợp đồng ngày 13/7/2001 có vị trí tiếp giáp hai con lộ (đường đi công cộng). Sau khi được cho đất, ông T đã làm rào bằng tre, cây xương rồng và lưới rào gà. Năm 2002, con lộ bên cạnh không còn sử dụng làm lối đi nên ông T đã san bằng để làm vườn. Ngày 10/12/2012, ông T cho người khác thuê diện tích ngang 8m, dài 20 mét thuộc thửa 1357 và lối đi này để làm nhà máy xây lúa với thời hạn 06 năm được UBND xã H chứng thực. Năm 2014, đo đạc lại theo tư liệu địa chính chính quy (VLAP), thửa đất số 1357 đổi thành thửa 130, diện tích 1.104m² (giảm 85,8m²). Năm 2020, con lộ phía trước cặp sông N ngang khoảng 1,6m được mở rộng thành lộ liên ấp, ông T phải hiến đất làm đường ngang 28,14m, sâu 8,0m. Tháng 6 năm 2020, do hàng rào tre, lưới, cây xương rồng bị hư mục nên ông T đã làm lại hàng rào trụ bê tông, lưới B40 trên thửa 130 thì bị UBND xã H lập biên bản cho rằng lấn chiếm phần đất thửa 218 do UBND xã quản lý nên yêu cầu

tháo dỡ. Khi bị lập biên bản ngày 14/8/2020, ông T mới biết UBND xã H quản lý đất thửa 218 khi đo đạc VLAP năm 2014, trong khi đất của ông T đo đạc còn thiếu diện tích 85,8m² và ông T đang yêu cầu được hợp thức hóa quyền sử dụng đất như các hộ phía trong khác đã san lấp lộ sử dụng từ năm 2002 nhưng không được giải quyết (các đơn xin đăng ký biến động đất đai ngày 27/8/2020, 10/9/2020 và 08/3/2021).

Ngày 11/6/2021, ông T bị lập biên bản vi phạm hành chính ghi nhận lần đất diện tích 86,7m².

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 2545/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn T vì đã thực hiện hành vi lấn đất, cụ thể tháng 6/2020, ông Nguyễn Văn T xây dựng hàng rào trụ bê tông cốt thép, kéo lưới B40 và trồng cây trên chiết thửa số 218, tờ bản đồ số 4 (theo tư liệu chương trình đất là đường đi công cộng) do UBND xã H quản lý mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép. Hình thức xử phạt chính: phạt tiền với mức phạt là 15.000.000 đồng và buộc tháo dỡ hàng rào, khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất (đường đi công cộng) trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn.

Không đồng ý, ông Nguyễn Văn T khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Lý do khởi kiện: Hiện trạng không còn lối đi, các hộ khác lấn chiếm nhưng không bị xử lý và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Tại văn bản số 3409/UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021, văn bản số 703/UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L do người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Quyết định số 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được thực hiện đảm bảo đúng hình thức và nội dung, thời hạn, thời hiệu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021. Lý do: Tháng 6 năm 2020, ông T tự ý xây dựng hàng rào bằng trụ đá, kéo lưới B40 và trồng cây trên thửa đất số 218, tờ bản đồ số 4 (theo tư liệu

chương trình đất là đường đi công cộng) do UBND xã H quản lý mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép là hành vi lấn đất được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ, là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính vẫn còn. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2013 quy định đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông là thuộc nhóm đất phi nông nghiệp nên hình thức phạt và mức phạt được quy định tại điểm a khoản 4 và điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP. Vì vậy, ông T bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng và phải tháo dỡ hàng rào, khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất (đường đi công cộng) trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn. Ngoài ra các văn bản của người bị kiện đã nêu cụ thể diễn biến sự việc ông T thừa nhận hành vi lấn vi phạm, cam kết tháo dỡ hàng rào trả lại đất nhưng không thực hiện, trích dẫn quy định pháp luật làm căn cứ ban hành quyết định và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tại văn bản số 28/UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, tham gia tố tụng về phía người bị kiện, không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Đồng thời xác định vị trí phần đất theo quyết định xử phạt là thuộc đường giao thông nông thôn có chức năng là đường dân sinh. Ngày 22/6/2020, người dân có làm đơn kiến nghị phần đất do nhà nước quản lý để làm đường. Việc ông T rào hàng rào làm ảnh hưởng lưu thông đi lại của các hộ dân phía trong nên việc ông T đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với phần lấn đường đi công cộng là chưa đủ điều kiện để xem xét giải quyết, UBND xã đã tổ chức họp dân và thành viên ủy ban để xem xét nhưng kết quả không thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T với phần diện tích này do người dân phía trong còn có yêu cầu đi lại. Ngoài ra, UBND xã H còn trình bày về việc kê khai đăng ký, quản lý sử dụng đất; thời điểm xác lập quyền sử dụng đất công cộng và lý do chậm xử lý đối với ông T và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thửa 218.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11 tháng 3 năm 2022, các đương sự thống nhất: Đề nghị Tòa án quyết định xem

xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất liên quan quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau khi có kết quả, nếu hàng rào nằm ngoài thửa đất số 130, ông T tự nguyện tháo dỡ, di dời hàng rào và Chủ tịch UBND huyện L sẽ xem xét thu hồi lại quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thẩm định tại chỗ đối với phần đất thửa 130, 128 có liên quan việc xử phạt vi phạm hành chính với cam kết: Trường hợp hàng rào xây dựng có lấn chiếm thửa 218 thì ông T tự nguyện tháo dỡ nhưng xin được xét miễn tiền phạt do là người cao tuổi, gia đình cận nghèo.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 4 năm 2022 thể hiện: Phần đất theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính hiện do ông Nguyễn Văn T đang sử dụng có xây dựng hàng rào trụ bê tông cốt thép, lưới B40 và các cây trồng. Diện tích đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. Về tài sản trên đất có 15 trụ bê tông dài 2,0m, không đổ móng chân đế, có thể di dời. Lưới B40, chiều cao 1,8m, dài hết phần đất theo quyết định xử phạt. Theo ông T trình bày, đã kéo hàng rào ngày 29/6/2020. Cây trồng có 40 cây chuối trên 1m. Ngoài ra, còn có 20 cây mít 2 năm tuổi, 01 cây xoài 01 năm tuổi, 04 cây cà na 02 năm tuổi, 04 cây bưởi, 01 cây đu đủ. Các cây trồng này, người khởi kiện trình bày trồng trước khi bị lập biên bản vi phạm hành chính nhưng người bị kiện không thống nhất. Liên quan đến đường công cộng theo tư liệu chương trình đất, hiện trạng có thay đổi không còn là đường đi công cộng.

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định: Phần đất theo xác định ranh của ông Nguyễn Văn T diện tích 1.207,9m². Bao gồm: 949,7m² thuộc tách thửa 130 do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 132,6m² thuộc tách thửa 130, hiện trạng là đường nhựa; 23,8m² thuộc đường nhựa; 16,7m² thuộc tách thửa 218 do UBND xã H quản lý, hiện trạng là đường nhựa; 85,1m² phần đất khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai và xử phạt vi phạm hành chính thuộc tách thửa 218, do UBND xã H quản lý.

Phần đất khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai và xử phạt vi phạm hành chính giữa người khởi kiện với người bị kiện có diện tích 85,1m² do UBND xã H quản lý.

Diện tích đo đạc hiện trạng thửa 130 giảm so với giấy chứng nhận do người khởi kiện ông Nguyễn Văn T cùng các chủ sử dụng đất giáp cận thống nhất xác định lại mốc ranh đất (gồm đường nhựa hiện trạng).

Diện tích đo đạc hiện trạng thửa 218 giảm so với diện tích ghi trên tư liệu bản đồ ĐCCQ do xác định mốc ranh không đúng ranh đất theo trích đo bản đồ địa chính số 76/2022.

Tại công văn số 1707/STNMT ngày 17 tháng 5 năm 2022 và số 2905/STNMT ngày 03 tháng 8 năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định: Phần đất thửa 218 là đường đi công cộng không thuộc thửa 657 cấp quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn M năm 1995 (cấp đổi cho ông T ngày 23/5/2002). Cơ sở xác định là tư liệu đo đạc phục vụ việc cấp giấy và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Mạnh, cấp đổi cho ông T đều thể hiện đường đi công cộng và thửa 657 riêng biệt. Thửa 218 là đường đi công cộng theo tư liệu Chương trình đất nhưng trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 ghi nhận mục đích sử dụng là CLN là căn cứ vào tư liệu đo đạc thực hiện Dự án VLAP và trích lục bản đồ địa chính số 76/2022 ngày 21/6/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Vĩnh Long. Quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đã không cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chỉnh lý bản đồ địa chính chính quy (đo cắt trừ phần đường đi công cộng) tại khu vực nêu trên đối với 02 trường hợp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng trên phần đất lối đi công cộng có liên quan yêu cầu của ông T đối với 02 trường hợp khác.

Tại phiên đối thoại, ông Nguyễn Văn T và người đại diện trình bày: thống nhất với trích đo bản đồ, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và văn bản trả lời của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long nhưng ông T không đồng ý thực hiện thỏa thuận tại phiên họp ngày 11/3/2022, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện với lý do: còn một số hộ dân chiếm diện tích đất công cộng (trước đây là đường đi công cộng) do nhà nước quản lý nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long chưa có quyết định thu hồi đất.

Các đương sự thống nhất và không thống nhất:

Vấn đề thống nhất:

1. Quyết định hành chính bị khởi kiện: Quyết định số 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện L.
2. Tính hợp pháp và có căn cứ về thẩm quyền: Hợp pháp.

3. Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, trình tự thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định: Hợp pháp.

4. Vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính: Không có.

Vấn đề không thống nhất: Người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 2545/QĐ-XPVPHC nhưng người bị kiện không đồng ý.

Những vấn đề tranh tụng: Tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện. Việc quản lý, sử dụng đất, mục đích sử dụng đất thửa 218. Sự cần thiết của việc khôi phục đường đi công cộng.

Tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

Người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông T do quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, tham gia tố tụng về phía người bị kiện.

Trong phần tranh tụng, các đương sự vẫn giữ quan điểm như tại phiên đối thoại. Người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 2545/QĐ-XPVPHC chỉ với lý do chính là chưa xử lý các hộ có hành vi lấn chiếm đất như ông T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng:* đảm bảo theo quy định của pháp luật

- *Về việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2545/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện L.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị miễn án phí hành chính sơ thẩm do ông T là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của

pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền của Tòa án

Quyết định hành chính bị khởi kiện là Quyết định 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T. Không đồng ý, ông T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 115 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 (viết tắt là Luật TTHC) và việc khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật TTHC.

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật TTHC.

[1.2] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 157 Luật TTHC, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hình thức; thẩm quyền; trình tự, thủ tục ban hành; thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện. Người khởi kiện thống nhất và việc thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nên xác định là hợp pháp.

[2.2] Về tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung quyết định bị khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận khi được tặng cho quyền sử dụng đất thửa 657 theo hợp đồng ngày 13/7/2001 (BL47) đã thể hiện đường công cộng và xác lập hàng rào mốc giới chỉ trong phạm vi phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/8/2001, ông T có đơn đăng ký quyền sử dụng đất với tình trạng đất được xác định không lấn chiếm (BL49) thể hiện ông T chỉ xác lập quyền sử dụng đất thửa 657 không bao gồm phần lộ (tức lối đi công cộng, đường dân sinh có liên quan quyết định xử phạt). Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/11/2018 (BL34), ông T đồng ý đề nghị cấp đổi với diện tích giảm 85,8m² với ranh giới ổn định, không bao gồm phần lối đi. Ngoài ra, khi bị phát hiện lập biên bản ngày 14/8/2020 (BL43), ông T đã thừa nhận hành vi rào trên đất thửa 218 do UBND xã H quản lý có nguồn gốc là đường đi công cộng và thống nhất kết quả xác minh, thống nhất tháo dỡ hàng rào

trên thửa 218. Do vậy, hành vi làm hàng rào tháng 6 năm 2020 của ông T là chuyển dịch mốc giới để mở rộng diện tích đất sử dụng mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép nên thỏa dấu hiệu của hành vi lấn đất theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ *“Lấn đất là việc người sử dụng đất chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất sử dụng mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép hoặc không được người sử dụng hợp pháp diện tích đất bị lấn đó cho phép”*. Đây chính là hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt.

Bên cạnh đó, việc ông T trình bày đã san lấp đường từ trước năm 2002 khi không còn sử dụng và cho thuê đất từ năm 2012 đến năm 2018, thể hiện ông T không sử dụng đất liên tục trên 20 năm và xác lập quyền sử dụng đất phần lối đi này như ông T đã trình bày mà là hành vi chiếm đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ *“Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép”*. Hành vi này, không thuộc nội dung quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại phiên tòa, ông T thống nhất kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phần hàng rào, cây trồng trên diện tích đất theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính đều không thuộc thửa 130 của hộ ông T mà thuộc thửa 218 có nguồn gốc đất đường đi công cộng, nhưng không đồng ý thực hiện cam kết tháo dỡ, trả lại đất theo kết quả phiên họp ngày 11/3/2022 và đơn yêu cầu ngày 15/3/2022 chỉ với lý do chính là chưa xử lý người sử dụng đất khác có hành vi lấn, chiếm đất; dù cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định đã thực hiện quản lý hành chính theo quy định của pháp luật đất đai; để yêu cầu xem xét lại tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của quyết định hành chính bị khởi kiện. Đây không phải là lý do chính đáng nên không được chấp nhận.

Xét tại thời điểm ông T có hành vi lấn đất bị xử phạt, phần đất thửa 218 được ghi nhận là đất trồng cây lâu năm nhưng về ý thức chủ quan, ông T đều thừa nhận đây là phần đất đường đi sử dụng vào mục đích giao thông. Đồng thời, ông T không yêu cầu xem xét loại đất theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính làm cơ sở xác định mức phạt vi phạm hành chính nên nội dung mức phạt tiền theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với nguồn gốc đất và ý thức chủ quan của chủ thể vi phạm hành chính.

[2.3] Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn T là người có năng lực trách nhiệm hành chính đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính, có lỗi, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai mà không phải là tội phạm và theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ phải bị xử phạt vi phạm hành chính nên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện L và UBND xã H chấn chỉnh trong hoạt động chấp hành, điều hành nhà nước trong việc quản lý, sử dụng đất công cộng. Trong trường hợp phần đất thửa 218 vẫn được phê duyệt sử dụng đất trồng cây lâu năm như UBND xã H xác định bằng văn bản thì xem xét ưu tiên áp dụng chính sách đất đai có lợi cho ông Nguyễn Văn T do ông T có quá trình sử dụng và thực tế bị ảnh hưởng diện tích thửa 130 do mở rộng lộ, làm đường nhựa phía trước.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án hành chính và vấn đề khác: không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tổng cộng 6.315.000 đồng. Do các bên đương sự không thỏa thuận nên ông T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 358 Luật TTHC nhưng được trừ vào tiền tạm ứng, ông T đã nộp xong.

[4] Về án phí: Người khởi kiện phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật TTHC nhưng được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Chấp nhận một phần lời trình bày và yêu cầu của người bị kiện, yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của vị Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 193, 348, 358 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 57,

Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2545/QĐ-XPVPHC ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tổng cộng 6.315.000 đồng: Ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng, ông T đã nộp xong.

3. Về án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn T do thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lâm Triệu Hữu